TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23/5/2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đồng Văn Diện
2. Ông Bùi Thế Vịnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Quý Đôn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Bắc Ninh.

Đại viện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trọng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

Ngày 23/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 391/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2025 về việc tranh chấp Hôn nhân và Gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Trang, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Xuân Sơn, xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Tạ Văn Kiên, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn Triệu, xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện cùng những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Chu Thị Trang trình bày như sau:*

Ngày 21/7/2020 chị và anh Tạ Văn Kiên kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn anh chị có cuộc sống hòa thuận trong một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt gia đình, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung khiến tình cảm hai vợ chồng không còn như trước. Vợ chồng không còn thương yêu tin tưởng nhau nữa. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm chăm sóc ai.

Nay chị xác định tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mỗi người có một cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết ly hôn với anh Tạ Văn Kiên

Về con chung: Chị và anh Tạ Văn Kiên trong thời gian chung sống chưa có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có vướng mắc nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn anh Tạ Văn Kiên trình bày như sau:*

Ngày 21/7/2020 anh và chị Chu Thị Trang kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau tại thôn Triệu, xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Hiện tại cả hai đã sống ly thân. Nay chị Chu Thị Trang làm đơn xin ly hôn thì quan điểm của anh là đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chưa có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Kiên vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Chu Thị Trangvà bị đơn anh Tạ Văn Kiên cùng có đơn xin xét xử vắng mặt và và đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến của mình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị Trang được ly hôn anh Tạ Văn Kiên
- Về con chung: Chị Chu Thị Trang và anh Tạ Văn Kiên không có con chung
- Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Chu Thị Trang và anh Tạ Văn Kiên không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Chu Thị Trang cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 4 - Bắc Ninh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự đã quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Trang và anh Tạ Văn Kiên đăng ký kết hôn ngày 21/7/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã Cẩm Lý, tỉnh Bắc Ninh). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Trang và anh Kiên là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, HĐXX xét thấy: Lời khai của chị Trang phù hợp với lời khai của anh Kiên và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn yêu thương nhau nữa. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Như vậy HĐXX xác định chị Trang và anh Kiên trong thời gian chung sống vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ với nhau, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cùng nhau chia sẻ mọi việc bảo vệ hạnh phúc gia đình. Anh chị xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân đến nay không ai quan tâm qua lại, chăm sóc gì cho ai. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích, phân tích cho chị Trang tuy nhiên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu và cương quyết xin ly hôn anh Kiên. HĐXX thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã căng thẳng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho chị Trang được ly hôn anh Kiên như vậy là phù hợp với Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Chu Thị Trangvà anh Tạ Văn Kiên trong thời gian chung sống không có con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Chu Thị Trang phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Trang được ly hôn anh Tạ Văn Kiên.

2. Về con chung: Chị Chu Thị Trang và anh Tạ Văn Kiên không có con chung.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Chu Thị Trang phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003912 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Trang đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 4 - Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Cẩm Lý - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương